

Những Nghịch Lý Của Việc Mở Rộng NATO

Chuyển dịch: Vĩnh Nhơn

(Nguyên tác: The Many Paradoxes of NATO Enlargement / Johanna Granville,

Current History, April 1999, tr. 165-170)

Dịch giả: Vĩnh Nhơn

(Đã đăng trong *Kinh doanh*, số 5, tháng 10 năm 1999, tr. 71-77)

"Việc mở rộng NATO có thể là một cố gắng nên làm để cải thiện cơ chế an ninh cho Âu Châu. Tuy nhiên, với các nghịch lý nội tại của nó, việc mở rộng NATO không phục vụ cho các lợi ích về chính trị, kinh tế và quân sự của Hoa Kỳ hay của Âu Châu".

Vào ngày 12 Tháng 3, Ba Lan, Hung Gia Lợi và Cộng Hòa Tiệp chính thức trở thành các thành viên mới nhất của Tổ Chức Minh Ước Bắc Đại Tây Dương (North Atlantic Treaty Organization = NATO). Việc mở rộng NATO thành 19 nước diễn ra đúng lúc tổ chức này kỷ niệm 50 năm thành lập vào tháng Tư này.

Chỉ cách đây có một năm--vào ngày 30 Tháng Tư năm 1998--khi Thượng Viện Hoa Kỳ phê chuẩn quyết định của chính quyền Clinton mở rộng Tổ Chức Minh Ước Bắc Đại Tây Dương với 80 phiếu thuận và 19 phiếu chống. Các tu chính án đề nghị để giúp cho việc mở rộng NATO dễ dàng được chấp thuận đã bị đánh bại với một số phiếu lớn. Với các thảo luận tối thiểu tại Thượng Viện--và trong sự lãnh đạo của quần chúng--một trong những quyết định có hậu quả sâu xa nhất về chính sách đối ngoại kể từ sau khi chiến tranh lạnh chấm dứt đã được thông qua.

Dĩ nhiên để phục vụ cho lợi ích quốc gia của mình Hoa Kỳ cần phải duy trì hòa bình và ổn định tại Âu Châu, vùng đất đã phát sinh ra hai trận thế chiến trong thế kỷ này. Một trong những thành quả quốc tế quan trọng nhất trong vòng 50 năm qua là việc thực hiện được tại Tây Âu một cộng đồng an ninh mà các thành viên đều quan niệm rằng việc sử dụng chiến tranh để giải quyết các mối bất đồng là một điều không thể tưởng tượng được. NATO đã là giềng mối để giải quyết các mối quan tâm về an ninh đó. Nhưng trong thời đại hậu chiến tranh lạnh, một tổ chức đa quốc gia là cần thiết--một tổ chức có khả năng đáp ứng các nhu cầu tối thiểu về an ninh theo một lối giúp tránh được sự tái sinh của các chủ nghĩa quốc gia do các chính sách quốc phòng của từng nước có thể tạo ra. Việc mở rộng NATO để bao gồm Ba Lan, Hung Gia Lợi và Cộng Hòa Tiệp không phải là giải pháp. Thật vậy, việc mở rộng NATO chỉ có

thể đem lại những hậu quả rất nghịch lý cho NATO, cho các nước thành viên mới này, và cho chính nền an ninh của Âu Châu.

Luận Cứ Của Phe Chủ Trương Mở Rộng

Các luận cứ chủ trương mở rộng NATO thì ai cũng biết. Vào tháng 2/1998, Tổng Thống Bill Clinton biện minh rằng việc mở rộng "sẽ giúp xóa đi ranh giới của chiến tranh lạnh và góp phần vào mục tiêu chiến lược của chúng ta trong việc xây dựng một Âu Châu thống nhất, dân chủ và thanh bình". Rõ ràng là không có hậu ý, nhưng các người chủ trương mở rộng đã mâu thuẫn với lý luận trên khi họ, như trường hợp của Charles Krauthammer đã viết trên tờ *Washington Post* số ra ngày 17 Tháng Tư, cho rằng "việc mở rộng NATO nói cho thế giới, và đặc biệt là người Nga, biết rằng tương lai của Trung Âu đã được sắp xếp. Đây không còn là một vùng đất vô chủ nữa. Ba Lan, Hung Gia Lợi và Cộng Hòa Tiệp đã là một phần đất được bảo vệ của Tây Phương đồng minh với Hoa Kỳ". Đối với Krauthammer và những người chủ trương mở rộng khác, "đường ranh chiến tranh lạnh" vẫn còn đó; nó chỉ nhích thêm sang phía đông. Việc mở rộng NATO là sự kéo dài tự nhiên của chiến tranh lạnh; và như Thượng Nghị Sĩ Trent Lott, Thủ lãnh đa số tại Thượng Viện đã lớn tiếng tuyên bố, nó là sự kéo dài tự nhiên của việc chấm dứt chiến tranh lạnh.

Những người chủ trương mở rộng lý luận rằng tình trạng bất ổn định của Trung Âu đã gây lòng thèm muốn chiếm đoạt đất đai nơi các cường quốc lân cận trong suốt thế kỷ hai mươi và đó là nguyên nhân chính của các cuộc chiến tranh. Có thể đây là sự thật, nhưng việc hình thành một liên minh với các quốc gia đó đã gạt ra ngoài Nga, "kẻ thua cuộc" trong chiến tranh lạnh, có phải là một giải pháp vững chắc hay không ? Quả thật khó mà nhìn Nga như là quốc gia đã "thua" chiến tranh lạnh, bởi vì Nga đã không hề bị thua trận về phương diện quân sự trong một cuộc chiến tranh có đánh nhau thật sự và trên thực tế vẫn còn là một cường quốc nguyên tử. Nếu giả sử như các phần tử quốc gia cực đoan hay cộng sản nắm được chính quyền tại Nga, họ có thể tái lập lại khả năng ngăn chặn quân sự quy ước hay nguyên tử, có lẽ trong vòng một thập niên thôi. Tuy nhiên khả năng này chỉ củng cố thêm luận điểm của phe chống mở rộng. Bằng cách loại ra ngoài một nước vẫn còn có khả năng gây ra tai họa (không giống như Đức và Nhật sau Thế Chiến 2), các nhà hoạch định của NATO đã vi phạm một nguyên tắc chiến lược căn bản, đó là bất cứ lúc nào cũng không nên đối đầu với nhiều kẻ địch hơn con số cần phải đối đầu.

Nhiều người chủ trương mở rộng khác lại cho rằng, trước thực tế là Nga đã không tạo được tiến bộ vững vàng kể từ khi Liên Xô sụp đổ vào tháng 12 năm 1991, có lẽ Nga sẽ không bao giờ có thể trở thành một hệ thống thực sự dân chủ và tư bản. Cuộc khủng hoảng kinh tế tại Nga từ Tháng Tám năm 1998 càng củng cố thêm sự nghi ngờ này. Một số người chủ trương mở rộng khác nữa lại bị ám ảnh bởi

nỗi lo sợ lâu đời về chủ trương bành trướng của nước Nga cũng như của Liên Xô. Họ công nhận là hiện nay Nga đang suy yếu, nhưng lại lý luận, theo kiểu như một bài bình luận vào tháng Tư 1997 của tờ *Washington Post*, rằng "quyết định mua bảo hiểm khi chưa có nhiều nguy cơ đe dọa là một quyết định thông minh vì sẽ mua được nhiều và với giá rẻ". Như những ai đã từng mua bảo hiểm xe hơi và nhà đều biết rõ, chúng ta phải đóng những số tiền hàng tháng khá đắt để trả giá cho những chuyện có thể không bao giờ xảy ra cả; thực chất là chúng ta bỏ tiền ra vì nỗi lo sợ mà thôi. Tuy nhiên, trong trường hợp này, việc "mua thêm bảo hiểm" trên thực tế có thể làm tăng thêm nguy cơ mà chúng ta đang tìm cách tránh: một nước Nga khích động và thù nghịch.

Sử Dụng Lợi Ích Do Nền Hòa Bình Tại Trung Âu Đem Lại

Một nghịch lý nữa của việc mở rộng NATO là việc tạo ra áp lực đối với Ba Lan, Hung Gia Lợi và Cộng Hòa Tiệp trong việc gia tăng kinh phí quân sự trong khi họ cần phải tập trung vào việc cải cách kinh tế trong nước. Các thành viên mới này của NATO không thể chỉ dựa vào cái dù nguyên tử của Hoa Kỳ; họ phải đạt được mức độ có thể phối hợp được về quân sự với các nước thành viên khác của NATO. Mỗi thành viên mới phải thay đổi cách thức tuyển chọn quân nhân để có thể thu hút được những ứng viên có khả năng cao. Ngoài ra, còn phải huấn luyện cho họ có khả năng nắm vững được Anh ngữ và học hỏi được những khía cạnh phức tạp của học thuyết về quân sự của NATO. Các nước này còn phải thiết lập cho được một đội ngũ hạ sĩ quan vì các nhà hoạch định của NATO tin rằng điều này là cần thiết để có được một bộ máy quân sự có hiệu năng cao. Các nước này cũng phải thiết lập được một hệ thống chỉ huy và kiểm soát mang tính tương hợp với NATO; xây dựng đầy đủ hệ thống phòng không (bao gồm các hệ thống radar và truyền thông cũng như các phi đoàn tương hợp với NATO); và học tập để có thể cộng tác với NATO trong việc hoạch định về chiến lược.

Mặc dù các nhà lãnh đạo của họ đã tuyên bố rất là phấn khởi, các nước này chưa làm được gì nhiều để chuẩn bị cho họ có thể đáp ứng được các tiêu chuẩn của NATO (mặc dù Ba Lan đã có chi phí nhiều hơn Hung Gia Lợi và Cộng Hòa Tiệp trong việc nâng cấp cho quân đội của họ). Các chuyên gia đã ước tính là tổng số kinh phí để hiện đại hóa cho cả ba nước sẽ vào khoảng từ 27 đến 42 tỷ Mỹ Kim.

Các người chủ trương mở rộng cho rằng chi phí cho việc mở rộng NATO dù sao cũng còn rẻ hơn so với chi phí cho một cuộc chiến tranh. Mặc dù điều này có thể đúng nếu xét về phương diện thiệt hại về nhân mạng, nhưng chưa chắc là đúng nếu xét về phương diện loại hình và thời gian của cuộc chiến, về vũ khí sử dụng, và tầm vóc của các lực lượng quân sự tham gia vào cuộc chiến.

Chi phí của việc mở rộng còn nêu ra thêm một vấn đề nữa: "Tiền lời hòa bình" của Trung Âu đã được sử dụng ra sao? Trong gần nửa thế kỷ, toàn vùng đã bị áp đặt theo mô hình kinh tế Stalinist, với mức độ tập trung cao về kỹ nghệ nặng, gạt bỏ các lợi điểm tương đối của từng nước. Bây giờ các nhà

lãnh đạo của Trung Âu là những người được dân chúng bầu ra, và dân chúng trong vùng đều mong muốn có một mức sống cao hơn cũng như những cải tổ dân chủ. Các viên chức này sẽ gặp nhiều khó khăn để biện minh cho việc chuyển đưa những ngân khoản quý báu này vào các chi phí quân sự đang ngày càng bị dân chúng chống đối. Nhiều người dân Trung Âu bỏ phiếu tán thành việc gia nhập NATO trong các cuộc trưng cầu dân ý đã làm thất vọng hy vọng là tư cách thành viên của NATO sẽ mang lại được nhiều đầu tư của các nước Tây phương cho nền kinh tế của họ, chứ không phải để làm cho họ nghèo thêm. Chính Clinton cũng nhấn mạnh là, về lâu về dài, tư cách thành viên NATO sẽ cột chặt Hung Gia Lợi, Ba Lan và Cộng Hòa Tiệp vào nền kinh tế toàn cầu của các nước dân chủ. Trong khi các hợp đồng sản xuất chung do Hoa Kỳ tài trợ có thể tạo ra công ăn việc làm cho các công dân vùng Trung Âu, thì họ còn có thể được hưởng nhiều hơn nữa nếu quốc gia họ sản xuất ra các hàng tiêu dùng đang rất cần thay vì là các chiến cụ không cần thiết.

Trong quá khứ, các nước như Đức, Hy Lạp, Thổ Nhĩ Kỳ và Tây Ban Nha đã từng gặp biết bao nhiêu khó khăn để có thể đạt được các tiêu chuẩn về quân sự của Hoa Kỳ và các nước thành viên đầu tiên của NATO. Ngay cả hiện nay, theo một số nhà phân tích, các nước này, đã được nhận vào NATO từ bao thập niên, vẫn còn đang "chơi" cái trò cố gắng theo kịp, trò chơi mà các nước thành viên mới, với các nền kinh tế còn eo hẹp, chắc chắn sẽ còn "chơi" dài dài.

Người Dân Muốn Gì ?

Mặc cho những gì ta thường thấy lập đi lập lại trong giới truyền thông tại Hoa Kỳ, không phải tất cả công dân các nước Ba Lan, Hung Gia Lợi và Cộng Hòa Tiệp đều háng hái ủng hộ việc gia nhập NATO. Các cuộc thăm dò dư luận đều cho thấy là việc gia nhập Cộng Đồng Âu Châu đã--và vẫn tiếp tục--được dân chúng ủng hộ hơn. Theo một cuộc thăm dò dư luận của một tổ chức Tiệp vào tháng Sáu 1997, việc ủng hộ gia nhập NATO trong dân chúng Tiệp chỉ đạt được 50,1%. Tuy nhiên, một cuộc thăm dò dư luận do Sở Thông Tin Hoa Kỳ (United States Information Agency -- USIA) thực hiện tại Cộng Hòa Tiệp một tháng trước đó cho thấy có đến 60 % dân chúng ủng hộ việc gia nhập NATO. Các cuộc thăm dò dư luận khác cũng do USIA thực hiện vào tháng Năm 1997 cho thấy 55% dân Hung Gia Lợi và 83% dân Ba Lan ủng hộ việc gia nhập NATO; con số ủng hộ quá cao tại Ba Lan có lẽ là do thiếu thảo luận rộng rãi về hậu quả của việc gia nhập cũng như do sự thù ghét của dân chúng đối với Nga.

Theo cuộc thăm dò dư luận do USIA thực hiện trong năm 1996, mức độ ủng hộ việc gia nhập NATO ở trong cả ba nước đều sụt giảm rất nhiều khi có thêm nhiều câu hỏi cụ thể hơn. Khi được hỏi là họ có chịu chi phí nhiều hơn về quân sự để đáp ứng các tiêu chuẩn của NATO hay không, đa số rất lớn đều trả lời là không: tại Ba Lan, 74% chống và 16% thuận; tại Hung Gia Lợi, 87% chống và 9% thuận; và tại Cộng Hòa Tiệp, 84% chống và 11% thuận.

Thế thì tại sao lại có đến 85% dân chúng đã bỏ phiếu thuận trong cuộc trưng cầu dân ý vào ngày 16 Tháng 11 năm 1997 tại Hung Gia Lợi ? Các viên chức NATO, các chính trị gia Tây phương và chính phủ tại cả ba quốc gia ứng viên xin gia nhập NATO đã đưa ra một ý tưởng mơ hồ rằng việc gia nhập NATO sẽ giúp gia tăng mức độ đầu tư từ các nước Tây phương, dùng nó như một phương tiện để ngăn chặn việc tìm hiểu sâu xa hơn về vấn đề gia nhập NATO. Hơn nữa, quyết định về việc Hung Gia Lợi nên gia nhập NATO dường như được bơm từ trên xuống, chứ không phải từ dưới lên. Theo một tổ chức nghiên cứu độc lập, các bộ Ngoại Giao và Quốc Phòng của chính phủ Hung Gia Lợi đã chi tiền cho một "chiến dịch báo chí trơn tuột". Riêng Bộ Ngoại Giao đã chi ra hơn 600.000 đô la để trình bày vấn đề thuận lợi cho việc gia nhập NATO. Những người chống lại việc gia nhập NATO thì thiếu tổ chức và cũng không có tiền để trả cho các cơ quan truyền thông để phổ biến quan điểm của họ. Kết quả là, rất nhiều nếu không nói là phần đông những người đã bỏ phiếu chấp thuận việc gia nhập NATO đã không thể đo lường một cách đầy đủ cái giá cũng như những nguy cơ của việc gia nhập.

Quan trọng hơn và cũng đáng ngại hơn là sự kiện vào năm 1997 các xí nghiệp quân sự Tây phương (gồm cả Saab/British Aerospace, Dassault Aviation, Lockheed Martin, Boeing, và McDonnell Douglas) đã hiến hơn một triệu đô la cho các tổ chức thân-NATO để các tổ chức này có phương tiện mua các chương trình truyền thanh truyền hình nhằm cổ vũ cho việc gia nhập NATO¹. Theo luật về truyền thông của Hung Gia Lợi, người ngoại quốc không được phép ủng hộ tài chánh cho các hoạt động chính trị. Các công ty đấu thầu quốc phòng như thế rõ ràng là đã can thiệp một cách bất hợp pháp vào sinh hoạt chính trị tại Hung Gia Lợi.

Nga : Địch Thủ Thân Thiện Của NATO ?

Một trong những nghịch lý chính của chính sách mở rộng NATO là tác động có tiềm năng tiêu cực đối với Nga. Tất cả các liên minh đều phải có một mục tiêu, và theo định nghĩa, phải chỉ định rõ ngay từ đầu ai là địch thủ; kế tiếp là một chiến lược rõ ràng phải được hoạch định để đối phó với sự đe dọa do địch thủ đó tạo ra. Tuy nhiên, vào Tháng 11 năm 1990, tại hội nghị thượng đỉnh về An Ninh Âu Châu tại Paris, Khối Warsaw (liên minh quân sự của các nước Đông Âu do Liên Xô lãnh đạo) và NATO đã ký thỏa ước về Các Lực Lượng Quy Ước Tại Âu Châu trong đó đã ghi rõ chấm dứt sự thù địch giữa hai phe. Ngày nay quả thật là khó nếu cho rằng Hoa Kỳ vẫn còn nhìn Nga như là một đe dọa. Lực lượng chính quy của Nga đã giảm từ khoảng 4 triệu năm 1991 xuống còn có 1,2 triệu năm 1998. Nhiều sĩ quan Nga đã không được trả lương có đến 5 tháng, và tội ác, làm bậy, đào ngũ đang lan tràn trong quân đội. Ít nhất cũng phải đến hai thập niên nữa Nga mới có thể phục hồi sức mạnh quân sự tới độ có thể tái đe dọa Đông Âu và Hoa Kỳ--và họ chỉ có thể làm được điều này nếu họ tiếp tục tăng quân số và cải thiện việc tuyển mộ cũng như giữ được quân số.

Căn cứ vào lịch sử của nước Nga, và về sau là Liên Xô với nỗi lo sợ thường xuyên bị xâm lăng và bao vây, việc mở rộng NATO sát đến biên giới Nga chắc chắn sẽ tạo ra lo âu trong dân Nga. Họ cảm thấy bị báo động khi các cơ sở quân sự then chốt của Nga bây giờ đều nằm trong tầm oanh kích của các vũ khí quy ước chính xác có thể xuất phát từ các phi trường mà NATO mới có được trong vùng Trung Âu. Các bảo đảm bằng lời nói không đủ trấn an họ, vì các kế hoạch gia quân sự của Nga--cũng như các kế hoạch gia quốc phòng của Hoa Kỳ--phải ước tính trên khả năng của địch thủ chứ không phải trên ý đồ của địch thủ. Tình thế này gợi lại cái "vấn nạn về an ninh" cổ điển: dù cho động cơ của một nước trong việc tăng cường quân lực hay gia nhập một liên minh quân sự là vì tự vệ, các nước láng giềng luôn luôn xem hành động đó mang tiềm năng tấn công trong bản chất.

Với việc gia nhập của Ba Lan, Hung Gia Lợi và Cộng Hòa Tiệp, ranh giới của liên minh NATO sẽ được chuyển về phía Đông thêm khoảng 700 km, và điều này làm giảm đi rất nhiều thời gian báo động sớm cần thiết cho quân lực Nga trong trường hợp phải đối phó với một cuộc tấn công thật sự hay giả tưởng từ Tây phương. NATO cũng sẽ trực tiếp giáp giới lãnh thổ Nga tại vùng Kaliningrad, nơi đã bị cắt rời khỏi trung thổ Nga bởi quốc gia độc lập Lithuania. Hơn nữa, Hung Gia Lợi, Ba Lan và Cộng Hòa Tiệp sẽ đem lại thêm cho NATO vào khoảng 13 sư đoàn, 29 lữ đoàn, và 731 phi cơ; họ cũng sẽ tăng cường thêm cho NATO độ 24% chiến xa, 22% thiết vận xa, và 18% pháo binh. Phần lớn trang bị do Nga chế tạo này đã lỗi thời và gần như vô dụng; ta không nên gán nhiều giá trị cho các con số đó. Tuy nhiên, NATO cũng sẽ có thêm vào khoảng 290 căn cứ không quân, 120 cơ sở hoả tiễn bất động, và toàn bộ hạ tầng kiến trúc về tiếp liệu của vùng lãnh thổ mới: 280.000 km đường bộ, 44.000 km đường sắt, và 5000 km ống dẫn dầu.

Vì không còn có vùng Trung Âu làm trái độn nữa, chính phủ Nga chắc chắn sẽ không phổ biến cho các làm chính sách của Tây phương biết các tin tức quan trọng về chiến lược và quân sự của họ. Bí mật sẽ thay thế cho lãnh thổ để đóng vai trò trái độn về tâm lý. Phổ biến cho Tây phương càng ít tin tức về an ninh thì người Nga càng cảm thấy an toàn hơn.

Chính quyền Clinton đã thiết lập nhiều cơ chế để bù đắp lại cho Nga về việc mở rộng NATO. Chương trình Partnership for Peace (PFP), khởi sự năm 1994, tạo ra sự hợp tác chặt chẽ về quân sự giữa NATO và các kẻ địch cũ trong thời chiến tranh lạnh và các nước trung lập (bao gồm cả Nga), và được xem như là bước đầu tiên trong việc tiến tới trở thành thành viên của NATO. Chương trình PFP cho phép các quan sát viên Nga được có mặt trong các cuộc tập trận của NATO, và các viên chức quân sự và ngoại giao Nga được gặp gỡ thường xuyên với các giới chức NATO để duyệt xét các kế hoạch và công tác. Một cơ chế khác nữa là NATO-Russia Partnership Council cũng đã được thiết lập vào năm

1997 như là "một diễn đàn để tham khảo, hợp tác, và--khi có thể được--tạo sự đồng thuận giữa Liên Minh và Nga".

Các cơ chế này có thể hữu ích, nhưng nếu không có những đảm bảo ràng buộc Tây phương không được đặt vũ khí nguyên tử và đóng quân trong vùng Trung Âu, người Nga có lẽ sẽ không xem các cơ chế này là quan trọng lắm, và sẽ tiếp tục tìm cách bảo vệ lợi ích của họ. Như nhiều chính trị gia Nga đã chỉ ra, Tây phương đã không giữ nhiều lời hứa quan trọng. Họ ghi nhận rằng, để đáp lại việc phá bỏ bức tường Bá Linh và đồng ý cho nước Đức thống nhất được gia nhập NATO, Chủ tịch Liên Xô Mikhail Gorbachev tin tưởng rằng Thủ Tướng Đức Helmut Kohl đã từng hứa vào giữa Tháng 7 năm 1990 là sẽ không đồng ý để các nước trong Khối Warsaw gia nhập NATO.

Việc mở rộng NATO cũng đã làm cho các kế hoạch gia Nga càng quyết tâm hơn trong việc xét duyệt lại học thuyết quân sự của họ, đặt nặng trọng tâm hơn vào việc sử dụng vũ khí hạt nhân (cũng như vũ khí hóa học và vi trùng) để ngăn chặn ý đồ của địch, vừa để tiết kiệm tiền bạc vừa để hóa giải lợi thế về lực lượng quy ước của NATO. Việc mở rộng NATO chỉ làm đậm nét thêm cho một mối lo đã có sẵn từ lâu của các kế hoạch gia quân sự Liên Xô về việc dựa quá nhiều vào vũ khí phòng thủ. Dấu hiệu đầu tiên cho thấy sự thay đổi về học thuyết này xuất hiện ngay từ năm 1993, khi một học thuyết mới về quân sự ra đời và đảo ngược lại lời tuyên hứa từ năm 1982 là Liên Xô sẽ không bao giờ sử dụng vũ khí hạt nhân trước cả (mặc dù lời hứa hẹn này chủ yếu là để tuyên truyền mà thôi; các hoạt động quân sự của Liên Xô luôn luôn bao gồm một bộ phận vũ khí hạt nhân rất mạnh). Ivan Rybkin, cựu bí thư của Hội Đồng An Ninh Nga, đã cảnh cáo từ năm 1998 rằng "mọi người phải biết rằng trong trường hợp bị tấn công trực tiếp, chúng tôi sẽ trả đũa toàn bộ, và chúng tôi có toàn quyền lựa chọn vũ khí để trả đũa. Nếu địch thủ khai chiến bằng vũ khí quy ước, chúng tôi vẫn có thể trả đũa bằng vũ khí hạt nhân".

Đúng là một vòng lẩn quẩn. Học thuyết quân sự và chiến lược của NATO trong thời hậu chiến tranh lạnh được đặt cơ sở trên việc đối phó với những cuộc tranh chấp chủng tộc trong nội bộ một nước ở tầm vóc nhỏ mà người ta khó có thể đoán trước được, hay đôi khi ngay cả nhận diện được, kẻ địch là ai. Do đó, thay vì sử dụng hàng ngàn vũ khí hạt nhân để chống lại một cuộc tấn công ào ạt bằng vũ khí quy ước hay hạt nhân từ phía Liên Xô, NATO sẽ cần có khả năng triển khai các lực lượng quy ước vừa nhanh, vừa cơ động, và linh hoạt để đối phó với đủ loại hình tranh chấp. Thành ra, dù cho có vẻ nghịch lý, trong khi chuẩn bị cho NATO nhằm đối phó với một cuộc tấn công phi vũ khí hạt nhân, các kế hoạch gia NATO, trên thực tế, có thể tạo ra nguy cơ khích động Nga sử dụng vũ khí hạt nhân.

Chi Phí Tới Bao Nhiêu ?

Một phần lớn của cuộc tranh luận xoay quanh vấn đề chi phí cho chính sách mở rộng NATO. Chúng ta đã thấy tiến trình này gây ra bao nhiêu chi phí cho các thành viên mới của Trung Âu. Tuy

nhien, con số ước tính mới đây nhứt của giới quân sự Hoa Kỳ cho việc gia nhập NATO của Ba Lan, Hung Gia Lợi và Cộng Hòa Tiệp chỉ lên tới 1,5 tỷ Mỹ kim cho 10 năm tới, trong đó phần Hoa Kỳ phải gánh là 400 triệu Mỹ kim².

Con số 1,5 tỷ ước tính của Bộ Quốc Phòng nghe có vẻ rẻ quá. Tuy nhiên, ước tính đó không thực tế chút nào cả, bởi vì nó chỉ tính đến các chi phí cho việc nhận Ba Lan, Hung Gia Lợi, Cộng Hòa Tiệp, và Slovakia (lúc đầu nước này là ứng viên hàng đầu cho việc gia nhập). Trên thực tế, chính sách "mở rộng cửa" của NATO có thể đưa đến việc nhận thêm đến 12 thành viên mới vào năm 2010. Con số ước tính đó cũng bỏ qua 3 yếu tố khác: khả năng các thành viên hiện nay sẽ không đóng góp phần chi phí của họ trong việc mở rộng này, các chi phí của nhiều đợt mở rộng thêm, và các trợ cấp vô hình mà Bộ Quốc Phòng phải gánh trong các số tiền mà Bộ đã viện trợ hay cho các nước cựu xã hội chủ nghĩa này vay mượn. Nếu giả sử như NATO sẽ tăng thêm 12 thành viên mới hay nhiều hơn nữa chứ không phải chỉ có 3, con số ước tính cao nhất của Nha Ngân Sách Quốc Hội (Congressional Budget Office) là 125 tỷ Mỹ kim cho việc mở rộng NATO có thể dễ dàng tăng lên gấp 4 lần thành 500 tỷ hay nhiều hơn nữa. Hiện nay có khá nhiều nước "lăm le" trở thành thành viên của NATO đang thi đua chuẩn bị tư thế nên khả năng NATO sẽ nhận thêm thành viên không phải là một chuyện trừu tượng.

Pháp và Đức đã công khai tuyên bố là họ sẽ không chi thêm một quan Pháp hay một Đức kim nào nữa cho NATO, dù cho NATO có mở rộng hay không. Các nhà làm chính sách của Anh cũng đã ngầm cho biết là họ có thể giảm bớt phần đóng góp của họ, vì chính các thành viên mới sẽ đóng góp vào cho ngân quỹ của NATO. Với các thành viên Tây Âu cho biết là họ không muốn đóng góp phần của họ và các nước Trung Âu thì lại không có khả năng đóng góp, phần đóng góp của Hoa Kỳ vào chi phí của việc mở rộng NATO có thể dễ dàng tăng lên đến 50% của tổng số chi phí, chứ không phải chỉ có 15% như giới quân sự Hoa Kỳ đã ước tính³.

Ngoài ra, con số ước tính chính thức 1,5 tỷ Mỹ kim của Bộ Quốc Phòng cũng sai lầm nghiêm trọng vì nó đã bỏ qua không tính đến các chi phí cho các viện trợ, cho vay và huấn luyện quân sự cho các nước có tiềm năng gia nhập NATO. Giữa 1996 và 1998, chính phủ Hoa Kỳ đã chấp thuận trên 1,2 tỷ về viện trợ và cho vay để hỗ trợ cho việc mở rộng NATO. Điều này có nghĩa là Hoa Kỳ thật ra đã chi phí cho việc mở rộng NATO từ năm 1996. Như nhà phân tích quốc phòng thuộc Viện Nghiên Cứu Chính Sách Toàn Cầu (World Policy Institute), ông William Hartung, đã nói "Sự kiện là con số chi phí thật sự cho việc mở rộng NATO đã lên đến 1,2 tỷ cho thấy rõ cái phi lý của con số ước tính 1,5 tỷ của Bộ Quốc Phòng cho tổng số chi phí trong vòng 12 năm tới".

80 vị Thượng Nghị Sĩ đã bỏ phiếu thuận cho việc mở rộng NATO có tin rằng cái giá mà Hoa Kỳ phải trả sẽ đứng vững ở mức 400 triệu Mỹ kim hay không ? Nếu quả thật họ tin như vậy, thì thực là khó

hiều tại sao có đến 76 vị trong số đó đã bỏ phiếu chống lại một đề nghị của Thượng Nghị Sĩ Tom Harkin (Dân Chủ, Iowa) về một mức chi phí giới hạn là 25% mà thôi cho toàn bộ chi phí của việc mở rộng NATO, bao gồm cả các trợ cấp của Hoa Kỳ bên ngoài "các chi phí chung" cho tất cả thành viên NATO. Tại sao một mức chi phí giới hạn cho Hoa Kỳ lại làm cho các vị Thượng Nghị Sĩ sợ hãi như vậy, nếu không phải vì họ tin rằng chắc chắn nó sẽ bị vượt qua ?

NATO : Mở Rộng và Chết

Ý tưởng về việc mở rộng NATO có lẽ bắt nguồn nhiều từ sự đe dọa bị diệt vong hơn là từ nhu cầu phải đối phó với một địch thủ quan trọng và có thể nhận diện được. Các kế hoạch gia NATO nhận ra rằng nếu họ không tìm ra được một lý do mạnh hơn để biện minh cho sự hiện hữu của NATO trong thời đại hậu chiến tranh lạnh này, họ sẽ có thể mất việc làm của họ: "mở rộng hay là chết" là khẩu hiệu. Trên thực tế, NATO rất có thể sẽ mở rộng và chết.

Nếu, do việc mở rộng, NATO mất đi tính cách khả tín thì chính liên minh rất có thể sẽ bị diệt vong. Làm sao mà NATO có thể mất đi tính cách khả tín của nó ? Trước tiên, nó có thể không có đủ quyết tâm chính trị để trả đũa lại một cuộc tấn công bằng vũ khí hạt nhân hay để giải quyết một cuộc tranh chấp địa phương, tùy theo vị trí địa lý và tính chính đáng của mối đe dọa. Thứ hai, liên minh có thể mất đi sự đoàn kết, có thể do sự bất mãn của các thành viên kỳ cựu hay sự mất ảo tưởng của các thành viên mới. Hay, thứ ba, Hoa Kỳ, đổ tiền quá nhiều vào NATO, có thể bị kiệt quệ về tài chính.

Bao lâu mà Nga và các nước khác vẫn còn là cường quốc hạt nhân, thì chủ trương ngăn chặn--và do đó tính khả tín--vẫn còn là nòng cốt trong chiến lược về chiến tranh hạt nhân, ngay cả dù cho khả năng của một cuộc tấn công bằng vũ khí hạt nhân hiện nay có vẻ như quá xa vời. Tuy nhiên, dù trong một dự kiến phức tạp hay đơn giản, liệu NATO có dám trả đũa nếu bọn quốc gia cực đoan tại Nga phóng ra một cuộc tấn công bằng vũ khí hạt nhân chiến thuật vào Hung Gia Lợi vào 10 năm tới ? Liệu NATO có đủ quyết tâm chính trị để sử dụng vũ khí hạt nhân, trong khi biết rằng hành động này sẽ đưa đến một cuộc leo thang chiến tranh hạt nhân với các cường quốc hạt nhân khác ? Hay liệu NATO chỉ dám sử dụng các biện pháp trả đũa kém hung bạo hơn và do đó sẽ mất tính cách khả tín trong con mắt của nước tấn công ? Chỉ cần một trường hợp bị bịp hay bị hù cũng đủ làm cho NATO mất tính cách khả tín.

Một cuộc tranh chấp địa phương ở mức độ thấp cũng có thể đe dọa tính cách khả tín của NATO một cách có hiệu quả như một cuộc tấn công bằng vũ khí hạt nhân, và điều này còn dễ xảy ra hơn. Chúng ta có thể nhìn thấy điều đó ở Bosnia và trong cuộc tranh chấp trong tỉnh Kosovo của Serbia. Mặc dù chính quyền Clinton lớn tiếng ca ngợi sự can thiệp của NATO vào Bosnia như một sự thành công lớn, thật ra cuộc khủng hoảng tại Bosnia suýt nữa đã chia cắt liên minh. Nhưng Bosnia--một quốc gia có chủ

quyền--thì còn dễ hơn nhiều nếu so với Kosovo, vì chỉ là một tỉnh của Serbia nên là chuyện nội bộ của một nước. (Và khi càng có nhiều nước hơn gia nhập NATO thì nguy cơ phải đối phó với các cuộc tranh chấp về chủng tộc kiểu này sẽ càng lớn hơn). Như trường hợp Kosovo đã minh họa, NATO có thể phải chờ đến khi các hành động tàn bạo đã xảy ra và một sự đồng thuận đã đạt được mới có thể can thiệp. Nếu NATO càng mở rộng, sự đồng thuận càng khó đạt được, và NATO có thể mất đi tính linh động ngay chính cái lúc mà liên minh cần có tính linh động, trong cả việc quyết định và tốc độ triển khai lực lượng đến các khu vực tranh chấp.

Sau cùng, NATO có thể mất tính cách khả tín chỉ vì Hoa Kỳ bị kiệt quệ về tiền bạc và tài nguyên. Căn cứ vào các con số ước tính không thực tế chút nào của chính quyền Clinton và Bộ Quốc Phòng, chuyện này rất có thể xảy ra. Ngay cả tài nguyên của một siêu cường cũng không phải là vô giới hạn.,

An Ninh Mà Không Cần Có NATO

Rõ ràng là tình trạng an ninh của Âu Châu đã thay đổi. Một tổ chức duy trì hòa bình cho Âu Châu, có lẽ theo kiểu một Liên Bang Âu Châu (European Union) biến dạng hay Tổ Chức An Ninh và Hợp Tác Âu Châu (Organization for Security and Cooperation in Europe) có kết hợp các quan tâm về an ninh của Trung Âu, là một dự án đáng được thảo luận nhiều hơn. Một giải pháp khác là để mặc các nước Trung Âu--điều này hàm ý việc trở về một chính sách để cho các nước tự lo liệu lấy và như vậy là gia tăng nguy cơ các nước này để bị các nước láng giềng thôn tính hoặc tạo ra các cuộc rối loạn địa phương. Ngoài ra, người Nga có lẽ thích hơn với một tổ chức nào có khả năng ngăn chặn các lực lượng quân sự của các nước Trung Âu quay ra đánh lẫn nhau, và có khả năng buộc các nước này duy trì được các chính quyền dân sự, công bố các ngân sách quốc phòng, lên kế hoạch phòng thủ chung, và tổ chức các cuộc tập trận chung với nhau. Bất cứ một tổ chức nào cố gắng được cho các nước Trung Âu và Nga một cơ chế có thể giúp họ chia sẻ thông tin với nhau và làm sáng tỏ cho nhau về khả năng và ý đồ--và nhờ vậy giảm thiểu được nguy cơ chiến tranh--chắc chắn sẽ được mọi người hoan nghênh.

Tuy nhiên, một tổ chức như vậy dứt khoát không thể là NATO. Bởi vì ngay từ đầu nó đã được thành lập như là một liên minh quân sự để chống Liên Xô, NATO đã có quá nhiều liên hệ với chiến tranh lạnh rất tiêu cực đối với người Nga. Căn cứ trên vấn nạn cổ điển về an ninh, các tuyên bố của NATO về ý đồ tốt lành sẽ không đủ. Việc mở rộng NATO có thể là một cố gắng nên làm để cải thiện cơ chế an ninh cho Âu Châu. Tuy nhiên, với các nghịch lý nội tại của nó, việc mở rộng NATO không phục vụ cho các lợi ích về chính trị, kinh tế và quân sự của Hoa Kỳ hay của Âu Châu.

Ghi Chú

1. Sáu công ty đấu thầu quân sự lớn nhất của Hoa Kỳ đã chi ra 51 triệu Mỹ kim để vận động cho việc mở rộng NATO giữa 1996 và 1998. Ngoài ra, nhiều nhà sản xuất vũ khí của Hoa Kỳ đã tài trợ các tổ chức chủng tộc tại Hoa Kỳ ủng hộ việc mở rộng NATO, thí dụ như Polish-American Congress, Hungarian-American Foundation, và American Friends of the Czech Republic. Các nhà sản xuất vũ khí đã hoạt động như một "nhóm thiểu số năng nổ", giống như tổ chức National Rifle Association. Do sự vận động liên tục của họ, họ đã có nhiều ảnh hưởng đến Quốc Hội hơn là quần chúng vô tổ chức, phần lớn là mù tịt về chính sách mở rộng. (Trong một cuộc thăm dò dư luận do Pew Research Center thực hiện vào năm 1997, 63% dân chúng Hoa Kỳ ủng hộ việc mở rộng, nhưng chỉ có 10% có thể gọi đúng tên của 3 nước được mời tham gia NATO).

2. Có tất cả 5 con số ước tính chính đã được đưa ra: một do chính NATO, hai của các cơ quan của chính phủ Hoa Kỳ, một do Rand Corporation, một tổ chức được chính phủ tài trợ, và một do tổ chức bất vụ lợi Cato Institute. Các con số ước tính này đi từ con số chính thức 1,3 tỷ của NATO đưa ra cho việc chi phí về quân sự của ba nước thành viên mới, đến con số của Bộ Quốc Phòng từ 27 đến 35 tỷ cho thời gian giữa 1999 và 2010 để chi phí cho việc "tăng thêm một con số không nhưэт định các nước Đông và Trung Âu" vào NATO (trong số đó Hoa Kỳ sẽ phải chi từ 1,5 đến 2 tỷ), đến con số ước tính của Nha Ngân Sách Quốc Hội lên đến 125 tỷ cho đến năm 2010 để chi phí cho một chiến lược mở rộng đầy tham vọng bao gồm triển khai các lực lượng của NATO vào các nước thành viên mới.

3. Bộ Quốc Phòng coi như 40% các chi phí trực tiếp trong việc mở rộng sẽ do từng nước đảm nhận, còn lại 60% là do quỹ chung của NATO. Theo cách tính toán này, các thành viên mới phải đài thọ 35%, các thành viên đương thời (không kể Hoa Kỳ) chịu 50%, và Hoa Kỳ sẽ gánh 15% còn lại.

Vĩnh Nhơn

03-09-1999